

Số: 194 /2018/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 05 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Kiều N, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84, 115 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Kiều N và anh Nguyễn Văn R. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 31/2016 ngày 26/4/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

Chị N và anh R không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- Về con chung: Chị Nguyễn Kiều N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Xuân A, sinh ngày 10/10/2016. Ghi nhận chị N tự nguyện không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh R có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do hòa giải thành được giảm 50%: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) chị Nguyễn Kiều N đồng ý nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017667 ngày 01/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Chị N được nhận lại số tiền còn dư là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đặng Mộng Tuyền